

Số: 3558/SXD-KTXD

Tuyên Quang, ngày 30 tháng 6 năm 2026

V/v hướng dẫn một số nội dung liên
quan đến lập và quản lý chi phí ĐTXD
theo Nghị định số 206/2026/NĐ-CP của
Chính phủ và Thông tư hướng dẫn của
Bộ Xây dựng

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp và Khu kinh tế tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh;
- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình số 01 tỉnh;
- Ban Điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh Tuyên Quang;
- Chủ đầu tư các công trình, dự án và đơn vị hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 4939/UBND-QHĐTXD ngày 30/6/2026 về việc rà soát, cập nhật hệ thống định mức xây dựng, đơn giá nhân công xây dựng theo đề nghị của Bộ Xây dựng tại Văn bản số 9953/BXD-KTQLXD ngày 30/6/2026;

Ngày 15/6/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 206/2026/NĐ-CP quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực; Bộ Xây dựng đã ban hành các Thông tư hướng dẫn có liên quan, trong đó có một số Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026: (1) Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng¹; (2) Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật²; (3) Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày

¹ Thông tư số 36/2026/TT-BXD có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2026, bãi bỏ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 và Điều 1, Phụ lục III và Phụ lục V Thông tư số 60/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2025.

² Thông tư số 37/2026/TT-BXD có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2026, thay thế Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021, Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22 tháng 01 năm 2025, Điều 12 Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13 tháng 6 năm 2025, khoản 6 Điều 1 và Điều 3 Thông tư số 60/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

26/6/2026 ban hành định mức xây dựng có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026³.

Để tổ chức triển khai thực hiện các nội dung có liên quan theo Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ và các Thông tư nêu trên của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng trân trọng đề nghị:

1. Các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị (như kính gửi) chỉ đạo nghiên cứu, phổ biến và triển khai thực hiện các nội dung có liên quan quy định tại Nghị định số 206/2026/NĐ-CP của Chính phủ và các Thông tư của Bộ Xây dựng nêu trên (*Có Nghị định số 206/2026/NĐ-CP của Chính phủ và các Thông tư của Bộ Xây dựng gửi kèm theo*).

2. Sở Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang như sau:

2.1. Công tác lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, xử lý chuyển tiếp: Thực hiện theo Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ và các Thông tư: Số 36/2026/TT-BXD, số 37/2026/TT-BXD và số 38/2026/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

2.2. Áp dụng định mức xây dựng: Thực hiện theo Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng.

2.3. Trong thời gian chưa tổ chức khảo sát, xác định và công bố đơn giá nhân công xây dựng theo phương pháp quy định tại Thông tư số 37/2026/TT-BXD của Bộ Xây dựng, đề nghị các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị áp dụng bảng giá nhân công xây dựng chuyển đổi được xác định trên cơ sở bảng giá nhân công đã công bố tại Quyết định số 03/QĐ-SXD ngày 08/01/2026 của Sở Xây dựng và tính toán quy đổi theo hướng dẫn tại khoản 4 Mục I Phụ lục III Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng (*chi tiết có Bảng chuyển đổi giá nhân công xây dựng kèm theo*).

2.4. Áp dụng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng: Định mức hao phí, nguyên giá máy và thiết bị thi công thực hiện theo Phụ lục IV Thông tư số 37/2026/TT-BXD; giá nhiên liệu xác định theo công bố/nhiệm yết của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam hoặc nguồn hợp pháp khác tại thời điểm lập dự toán; đơn giá nhân công vận hành, điều khiển máy lấy theo bảng nhân công tại mục 2.3 văn bản này.

2.5. Về giá vật liệu được xác định trên cơ sở xem xét, đánh giá từ các nguồn thông tin cơ sở dữ liệu trên Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng, công bố giá của địa phương, báo giá của nhà cung cấp, sản xuất trên thị trường, dữ liệu giá, chi phí của công trình tương tự (nếu

³ Thông tư số 38/2026/TT-BXD có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026, thay thế Thông tư số 12/2021/TT-BXD, Thông tư số 09/2024/TT-BXD, Thông tư số 08/2025/TT-BXD và Điều 2 Thông tư số 60/2025/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

có) để lựa chọn giá hoặc tính toán giá bình quân làm cơ sở xác định giá xây dựng công trình, bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn, chỉ dẫn kỹ thuật, xuất xứ, yêu cầu chất lượng của công trình và giá thị trường. Đối với vật tư nhập khẩu được tham khảo thông tin giá thị trường quốc tế (nếu có). Trường hợp không có giá từ các nguồn thông tin hoặc có nhưng không phù hợp, chủ đầu tư được thuê tổ chức thẩm định giá có năng lực, kinh nghiệm để xác định giá cho dự án, công trình theo quy định của pháp luật về giá.

3. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang thực hiện theo hướng dẫn tại văn bản này kể từ ngày 01/7/2026 đến khi có văn bản thay thế hoặc hướng dẫn mới của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Sở Xây dựng trân trọng đề nghị các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị quan tâm chỉ đạo nghiên cứu, triển khai thực hiện các nội dung có liên quan của Thông tư theo quy định. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để cùng trao đổi, thống nhất./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Như trên;
- GĐ, các PGĐ Sở;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, KTXD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Triệu Xuân Tiến

BẢNG CHUYỂN ĐỔI GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG

(Kèm theo Văn bản số 3558/SXD-KTXD ngày 30/6/2026 của Sở Xây dựng)

ST T	Tên nhân công	Đơn vị	Giá nhân công xây dựng (đồng)	
			Vùng III	Vùng IV
I	Nhóm nhân công xây dựng			
1	Nhân công nhóm 1	công	223.000	218.000
2	Nhân công nhóm 2	công	268.000	260.000
3	Nhân công nhóm 3	công	282.000	273.000
4	Nhân công nhóm 4	công	312.000	299.000
II	Nhóm nhân công vận hành, điều khiển máy			
1	Nhân công vận hành, điều khiển máy	công	308.000	295.000
2	Lái xe	công	289.000	277.000
3	Thủy thủ	công	325.000	307.000
4	Thợ máy	công	325.000	307.000
5	Thợ điện	công	325.000	307.000
6	Máy trưởng – tàu sông	công	325.000	307.000
7	Máy I – tàu sông	công	325.000	307.000
8	Máy II – tàu sông	công	325.000	307.000
9	Điện trưởng – tàu sông	công	325.000	307.000
10	Kỹ thuật viên cuộc I – tàu sông	công	325.000	307.000
11	Kỹ thuật viên cuộc II – tàu sông	công	325.000	307.000
12	Thuyền trưởng	công	390.000	371.000
13	Thuyền phó	công	343.000	328.000
III	Nhóm nhân công thực hiện các công tác khác			
1	Kỹ sư khảo sát, thí nghiệm	công	300.000	292.000
2	Thợ lặn	công	553.000	526.000
3	Nghệ nhân	công	545.000	519.000

Ghi chú: Giá nhân công chuyển đổi được xác định trên cơ sở bảng giá nhân công đã công bố tại Quyết định số 03/QĐ-SXD ngày 08/01/2026 của Sở Xây dựng và tính toán quy đổi theo hướng dẫn tại khoản 4 Mục I Phụ lục III Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng.